

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 21/TTr-SGTVT ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Báo cáo số 186/BC-SGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các ban thuộc Tỉnh ủy;
- Các ban thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, Tan. (66b)

<F:\2022\UBT\Tham mưu GT\>



Cao Tiến Dũng



QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 54 /2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị, gồm: Cầu đường bộ, cầu vượt, hè phố, đường phố, dải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh, theo phân cấp và quy định của pháp luật.

2. Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giao thông vận tải.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định, quy định, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao thông vận tải và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải;

b) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao thông vận tải cho Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải;

d) Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giao thông vận tải;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên;

e) Quyết định các dự án đầu tư về giao thông vận tải thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo các văn bản về giao thông vận tải thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công;

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giao thông vận tải;

c) Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập do Sở Giao thông vận tải quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản khác trong lĩnh vực giao thông vận tải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về kết cấu hạ tầng giao thông

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn và duy trì tuổi thọ của công trình giao thông, tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại, điều chỉnh hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, các đường khác và công bố tải trọng, khổ giới hạn của cầu, đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận hoặc thỏa thuận theo thẩm quyền về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa; cấp phép thi công trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa đang khai thác do địa phương quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước tại bến xe ô tô, bãi đỗ xe, nhà ga đường sắt đô thị, trạm dừng nghỉ và cảng, bến thủy nội địa trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa do địa phương quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

5. Về phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (*trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá*) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải

a) Tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện giao thông đường thủy nội địa, phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước; đăng ký, cấp biển số cho xe máy chuyên dùng của tổ chức và cá nhân ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

c) Thẩm định thiết kế kỹ thuật trong sửa chữa, hoán cải phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

6. Về vận tải

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; cấp phép lưu hành cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra xây dựng và công bố bến xe, điểm đỗ xe taxi, điểm đón, trả khách trên địa bàn theo quy hoạch được phê duyệt.

7. Về an toàn giao thông

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội

địa, hàng hải, hàng không, xử lý tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông; ngăn chặn và xử lý các hành vi gây mất an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

c) Thẩm định an toàn giao thông thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì hoặc phối hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh việc tổ chức giao thông trên hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp xử lý đột xuất điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, đảm bảo giao thông trên hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện kiểm tra tải trọng xe trên hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Giao thông vận tải.

10. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

11. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ.

13. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí và xử lý các vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc Sở Giao thông vận tải theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và biên chế công chức, vị trí việc làm và số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

17. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chế độ làm việc của Sở và trách nhiệm của Giám đốc Sở

1. Sở Giao thông vận tải làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Trách nhiệm của Giám đốc Sở

a) Quyết định Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương theo quy định của pháp luật, đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và của Sở Giao thông vận tải;

b) Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể đối với Giám đốc, Phó Giám đốc;

c) Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Sở, nội quy cơ quan, các quy định khác có liên quan và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, đảm bảo mọi hoạt động, điều hành của Sở Giao thông vận tải đạt hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật;

d) Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức; tài chính và tài sản của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

e) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và các công việc được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc ủy quyền; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình lên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm

quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc Sở phải chủ động làm việc với Giám đốc Sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình;

g) Có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Bộ Giao thông vận tải về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Giám đốc các Sở khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải

1. Sở Giao thông vận tải có Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Trường hợp có thay đổi pháp lý ảnh hưởng đến số lượng Phó Giám đốc thì áp dụng theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám đốc là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu Sở Giao thông vận tải do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; số lượng Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở pháp luật hiện hành.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương, gồm:

- a) Văn phòng Sở;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông;
- d) Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông và an toàn giao thông;
- đ) Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.

2. Thanh tra Sở

a) Thanh tra Sở là Cơ quan của Sở Giao thông vận tải, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai;

b) Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở

- Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên, công chức và nhân viên khác.

- Thanh tra Sở được tổ chức các đội nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ được giao, địa bàn quản lý, công tác phân cấp quản lý,.. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng phương án kiện toàn tổ chức của Thanh tra Sở trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Các Đội nghiệp vụ gồm có Đội trưởng, các Phó Đội trưởng, thanh tra viên, công chức và nhân viên khác. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, nâng bậc lương, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Đội trưởng, Phó Đội trưởng, thanh tra viên, công chức và nhân viên khác do Chánh Thanh tra Sở quyết định đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

c) Biên chế và số lượng người làm việc của Thanh tra Sở nằm trong tổng số biên chế hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Giao thông vận tải. Việc phân bổ biên chế cho Thanh tra Sở do Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải, gồm:

- a) Cảng vụ đường thủy nội địa;
- b) Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng;
- c) Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe loại 1 Đồng Nai;
- d) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Đồng Nai;
- đ) Khu Quản lý đường bộ, đường thủy Đồng Nai.

Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ.

Trường hợp có thay đổi pháp lý ảnh hưởng đến số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải thì áp dụng theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

a) Biên chế công chức và số lượng người làm việc của Sở Giao thông vận tải được giao trên cơ sở số biên chế công chức, số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm, Giám đốc Sở Giao thông vận tải phân bổ phù hợp vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc.

b) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giao thông vận tải được thực hiện theo phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Bộ Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Giao thông vận tải. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn và cung cấp thông tin tài liệu cho Bộ Giao thông vận tải theo chế độ định kỳ và yêu cầu đột xuất.

2. Đối với Tỉnh ủy Đồng Nai

Sở Giao thông vận tải chịu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Đồng Nai về định hướng phát triển ngành giao thông vận tải và các nhiệm vụ khác theo nghị quyết và chỉ đạo của Tỉnh ủy.

3. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Giao thông vận tải chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; có nhiệm vụ báo cáo, giải trình, cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ công tác giám sát; có trách nhiệm trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành giao thông vận tải.

4. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Giao thông vận tải chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh; có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả hoạt động của ngành; tham gia các cuộc họp do Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành.

5. Đối với các Ban của Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh

a) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn công tác của các Ban thuộc Tỉnh ủy trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ thị, ý kiến chỉ đạo về những vấn đề liên quan đến công tác của ngành;

b) Chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh về tổ chức và hoạt động của Đảng bộ Sở Giao thông vận tải theo quy định của Điều lệ Đảng.

6. Đối với các Sở, ban, ngành của tỉnh

Sở Giao thông vận tải phối hợp với các Sở, ban, ngành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và yêu cầu các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực giao thông vận tải theo đúng quy định của pháp luật.

7. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố thuộc tỉnh trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao thông vận tải trên địa bàn toàn tỉnh.

8. Đối với các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện các mối quan hệ bình đẳng, chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức khác và cá nhân có liên quan, cùng trao đổi, bàn bạc thống nhất trong việc giải quyết, thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Sở Giao thông vận tải giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước về giao thông vận tải đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quy định này ban hành Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Việc sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong quy định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản hoặc quy định pháp luật mới ban hành (*trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*).

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Sở Giao thông vận tải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.